UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG
TRẠM Y TẾ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/TB-TYT
V/v mời cung cấp báo giá vắc xin dịch vụ.

Đại Đồng, ngày 03 tháng 3 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2013/QH13 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-TYT ngày 02/3/2026 của Giám đốc Trạm Y tế Đại Đồng về việc phê duyệt danh mục mua sắm Vắc xin để tiêm dịch vụ năm 2026;

Căn cứ nhu cầu mua sắm Vắc xin tiêm chủng dịch vụ phục vụ nhu cầu tại đơn vị năm 2026, Trạm y tế Đại Đồng kính mời các nhà cung cấp Vắc xin đủ điều kiện kinh doanh tại Việt Nam cung cấp báo giá để đơn vị làm cơ sở tham khảo triển khai mua sắm, yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trạm y tế Đại Đồng

Địa chỉ: Thôn Đại Sơn - xã Đại Đồng - tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá và hồ sơ liên quan:

- Họ và tên: Đỗ Thị Hương
- Chức vụ: Văn thư.
- Số điện thoại: 0982139284

3. Cách thức tiếp nhận báo giá và hồ sơ pháp lý liên quan:

Trạm y tế Đại Đồng tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trạm y tế Đại Đồng. Địa chỉ: Thôn Đại Sơn - xã Đại Đồng - tỉnh Bắc Ninh

- Hoặc nhận qua email (Bản PDF có chữ ký, đóng dấu Công ty) theo địa chỉ: tramytedaidong88@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03 tháng 3 năm 2026 đến 16 giờ 00 phút ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục báo giá Vắc xin tiêm chủng dịch vụ (*Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)*

2. Mẫu báo giá *(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).*

3. Cung cấp các hồ sơ pháp lý liên quan *(theo phụ lục 3 đính kèm).*

Rất mong sự hợp tác của Quý công ty, đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T. BẮC NINH
TRẠM Y TẾ
ĐẠI ĐỒNG

Nguyễn Thị Thắm

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẮC XIN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 25/TB-TYT ngày 03/03/2026 của Trạm y tế Đại Đồng)

Stt	Tên Vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Abhayrab (vắc xin phòng dại)	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	300
2	Gardasil 9	Protein L1 HPV týp 6; protein L1 HPV týp 11; protein L1 HPV týp 16; protein L1 HPV týp 18; protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	700
3	GCFlu Quadrivalent Pre-filled Syringe inj	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H1N1) A/Victoria/4897/2022 IVR-238(H1N1); Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H3N2) A/Thailand/8/2022 IVR-237(H3N2); Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Austria/1359417/2021 BVR-26; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Phuket/3073/2013 hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Mỗi liều đơn vắc xin (0,5ml) chứa: Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H1N1) A/Victoria/4897/2022 IVR-238(H1N1) - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H3N2) A/Darwin/9/2021 SAN-010(H3N2) - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Austria/1359417/2021 BVR-26 - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Phuket/3073/2013 - 15 mcg hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	1.500
4	Heberbiovac HB 10mcg	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	Mỗi liều vắc xin 0,5ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 10mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	1.500
5	Heberbiovac HB 20mcg	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	Mỗi liều vắc xin 1ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 20mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	500

6	Hexaxim	* Giải độc tố bạch hầu; * Giải độc tố uốn ván; * Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) , Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): ; * Virus bại liệt (bất hoạt): - Týp 1 (Mahoney), - Týp 2 (MEF-1) , - Týp 3 (Saukett), * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; * Polysaccharide của Haemophillus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	600
7	Infanrix Hexa	Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván ; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi và Pertactin ; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) ; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Tiêm	Bột đông khô (Hib) và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	600

8	Influvac tetra	A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) haemagglutinin hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	1.000
9	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2) 6 mcg/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	400
10	Menactra	Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein)	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	300

11	Priorix	Virus sởi sống,giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	Virus sởi sống,giảm độc lực (chủng Schwarz) >=10 mũ 3 CCID50; Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385) >=10 mũ 3,7 CCID50; Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3) >=10 mũ 3 CCID51	Tiêm	Bột vắc xin đông khô	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	600
12	Rotarix	Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥10 mũ 6.0 CCID□□	Tiêm	Hỗn dịch uống	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	300
13	Synflorix	Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 1, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F và Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 4, 18C và 19F. Polysaccharide của các týp huyết thanh 1, 4, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F được cộng hợp với protein chất mang D (dẫn xuất từ Haemophilus influenzae không định týp); Polysaccharide của týp huyết thanh 18C cộng hợp với protein chất mang là giải độc tố uốn ván; Polysaccharide của týp huyết thanh 19F cộng hợp với protein chất mang là giải độc tố bạch hầu. Tất cả các polysaccharide được hấp phụ trên nhôm phosphate.	Mỗi liều (0,5ml) chứa: 1mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 1, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F và 3mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 4, 18C và 19F. Polysaccharide của các týp huyết thanh 1, 4, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F được cộng hợp với 9~16mcg protein chất mang D (dẫn xuất từ Haemophilus influenzae không định týp); Polysaccharide của týp huyết thanh 18C cộng hợp với 5~10mcg protein chất mang là giải độc tố uốn ván; Polysaccharide của týp huyết thanh 19F cộng hợp với 3~6mcg protein chất mang là giải độc tố bạch hầu. Tất cả các polysaccharide được hấp phụ trên nhôm phosphate (tương đương với tổng cộng 0,5mg Al3+)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	600
14	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	200
15	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	≥ 10 mũ 3,3 PFU	Tiêm	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	400

16	VAXIGRIP TETRA	A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) ; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228); B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) ; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 - sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA hoặc các chủng cúm mùa được cập nhật hàng năm và được Bộ Y tế công bố	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	250
17	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Protein vận chuyển CRM197	Mỗi liều đơn 0,5ml chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4µg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Protein vận chuyển CRM197 32µg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Lọ/Ống /Bơm tiêm	400
18	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Ống	150

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ VẮC XIN

(Kèm theo Thông báo số 25/TB-TYT ngày 03/3/2026 của Trạm y tế Đại Đồng)

Tên công ty báo giá:.....

Địa chỉ: .....

Email: .....

Tên người liên hệ/ Số điện thoại liên hệ: .....

BẢNG BÁO GIÁ VẮC XIN

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Tiên Du

STT	Tên Vắc xin (Tên thương mại)	Tên hoạt chất	Nồng độ- Hàm lượng	Quy cách	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký /GPNK	Hạn dùng (Tháng)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đã bao gồm VAT) (VNĐ)

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến kho của Trạm y tế Đại Đồng.
Báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày 13/3/2026.
Chất lượng hàng hóa mới 100%.

....., ngày .... tháng....năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH HỒ SƠ PHÁP LÝ ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP

(Kèm theo Thông báo số 25/TB-TYT ngày 03/3/2026 của Trạm y tế Đại Đồng)

Stt	Danh sách hồ sơ	Ghi chú
1. Tài liệu liên quan Công ty		
1	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc	
2	Thông tin về việc đáp ứng hoặc duy trì đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt tuỳ theo loại hình kinh doanh: - GSP: đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp - GDP: Đối với cơ sở bán buôn thuốc - GMP: đối với cơ sở sản xuất thuốc	
2. Tài liệu liên quan vắc xin		
1	Giấy đăng kí lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc tương đương và các tài liệu có liên quan	